

TRUNG TÂM KỸ THUẬT
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
C.V. Số: 1325 TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
ĐẾN Ngày: 01/10/19
 Chuyên: Số: 3051 /TĐC - HCHQ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2019

TN 1,2,3,4,5,6,7,8
 NCP
 B6-D



GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Quyết định số 08/2019/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đánh giá hợp chuẩn và hợp quy, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chứng nhận:

1. Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 (thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)

Địa chỉ trụ sở: Số 8 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0243.8360.289

Fax: 0243.8361.199

Email: thitruong@quatest1.com.vn

Địa chỉ nơi thử nghiệm:

a) Số 8 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

b) Lô 2-3-6A, khu Công nghiệp Nam Thăng Long, phường Thụy Phương, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Đã đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: **Hóa, Sinh, Điện – Điện tử.**

(Danh mục sản phẩm, hàng hóa, phép thử, tiêu chuẩn và phương pháp thử nghiệm theo Phụ lục kèm theo Giấy chứng nhận này).

2. Số đăng ký: 72/TN - TĐC.

3. Giấy chứng nhận được cấp lần thứ năm (05) và có hiệu lực đến ngày 03/10/2022./.

Nơi nhận:

- Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1;
- Bộ KHCN (đề b/c);
- Lưu: VT, HCHQ

T. TỔNG CỤC TRƯỞNG

PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Hoàng Linh



Phụ lục

DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA VÀ PHÉP THỬ, TIÊU CHUẨN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 305/TCĐC-HCHQ ngày 30/9/2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa/ Tên phép thử	Phương pháp thử/ tiêu chuẩn thử nghiệm
1	Vật liệu giảm điện trở đất/ Phép thử: điện trở, điện trở suất, điện trở phân cực, thử nghiệm ăn mòn, cơ tính, lý tính	ASTM B193 - 16 ASTM G187 - 12a ASTM G102-89 ASTM G59-97 IEC 62561-7:2018 IEC 62561-7:2018
2	Độ ổn định nhiệt của cách điện/vỏ bọc (Cáp cách điện bằng PVC điện áp đến 450/750V)	Bộ tiêu chuẩn TCVN 6610:2014 và các tiêu chuẩn liên quan/ viện dẫn/ công bố áp dụng
3	Thử độ bám dính (Cáp điện vặn xoắn ABC)	TCVN 6447 (AS 3560)
4	Phân tích chất lượng điện năng	IEEE 519 IEEE1547 IEC 61000-4-7 IEC 61000-4-15 EN 50160
5	Tôn hao sắt từ, mật độ từ thông của tôn Silic	JIS C 2550 IEC 60404-2 IEC 60404-8-7
6	Bình đun nước nóng có dự trữ - Hiệu suất năng lượng	TCVN 7898:2018
7	Xác định hàm lượng SO ₂ trong mẫu đũa, gỗ và thực phẩm	TCVN 12272:2018
8	Xác định hàm lượng Formandehit trong mẫu đũa, mẫu gỗ.	TCVN 12272:2018
9	Phân tích các chỉ tiêu quy định cho Đũa ăn	TCVN 12272: 2018
10	Xác định hàm lượng kim loại nặng thôi nhiễm trong bơm tiêm.	ISO7886-1: 2017
11	xác định hàm lượng kim loại thôi nhiễm cho mẫu khẩu trang.	TCVN 8389-1:2010
12	Xác định các chỉ tiêu quy định cho nước cất	ISO 3696: 1987 (E) hoặc ĐDVN IV
13	Hàm lượng TBVTV propiconazlone	TN4/HD/N3-239
14	Xác định hàm lượng Carbendazim	TN4/HD/N3-235



15	Xác định hàm lượng các thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm (Simazine, lượng Diphenylamin, piperonybutoxit, 2phenylphenol, Malathion, Atrazine, 2,4,5T/2,4DB/ Bentazone, 2,4D, MCPP, MCPA, Acepahte, Methoxychlor, DDT, Molinate, Pendimethalin, acryamide, Abamectin...)	TN4/HD/N3-238 (GC/MS/MS)
16	Xác định hàm lượng Cholesterol trong thực phẩm	TN4/HD/N3-237 (HPLC)
17	Xác định hàm lượng Fenpropathrin trong thực phẩm	TN4/HD/N3 236 (GC/MS/MS)
18	Xác định Hàm lượng Polyphenol, Catechin trong chè và sản phẩm chè	TN4/HD/N3 24
19	Xác định hàm lượng lượng tartrazine, sunsetyellow, proncer 4R, brilliant blue trong mẫu thực phẩm	TN4/HD/N3- 85 (food analysis by HPLC - Leo M.L. Nollet)
20	Xác định hàm lượng histamin trong mẫu thủy sản và sản phẩm thủy sản	TN4/HD/N3-169 (Tham khảo TCVN 11047:2015)
21	Xác định hàm lượng Taurine trong mẫu thực phẩm	TN4/HD/N3-170
22	Xác định hàm lượng Ginsenosid Rb1, Rg1 trong mẫu thực phẩm, thực phẩm chức năng, thực phẩm bảo vệ sức khỏe...	TN4/HD/N3- 171 (DDVN IV : 2017)
23	Xác định hàm lượng Coenzylme Q10 trong mẫu thực phẩm, thực phẩm chức năng, thực phẩm bảo vệ sức khỏe...	TN4/HD/N3- 172 (AOAC 2008.07)
24	Xác định hàm lượng Isoflavones trong mẫu đậu nành và sản phẩm đậu nành	TN4/HD/N3- 173 (AOAC 2008.03)
25	Xác định hàm lượng Sibutramin trong mẫu thực phẩm, thực phẩm chức năng, thực phẩm bảo vệ sức khỏe...	TN4/HD/N3- 174
26	Xác định hàm lượng Adenosine trong mẫu thực phẩm, thực phẩm chức năng, thực phẩm bảo vệ sức khỏe...	TN4/HD/N3- 81
27	Xác định hàm lượng Saponin trong mẫu thực phẩm, thực phẩm chức năng, thực phẩm bảo vệ sức khỏe...	TN4/HD/N3- 80

28	Xác định hàm lượng độc tố vi nấm trong mẫu thực phẩm (Aflatoxin B1,2,G1,2,M1, Patulin, Ochratoxin A, Deoxynivalone, Fumonicin, Zearalone....)	TN4/HD/N3-175 (LC/MS/MS)
29	Các sản phẩm thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm, và các hóa chất dùng trong thực phẩm – Ngoại quan	TN4/HD/N1-107 (TCVN 6971: 2001)
30	Chất tẩy rửa: xác định hàm lượng axit (tính theo HCl)	TN4/HD/N1-109 (TCVN 3702: 2009)
31	Đồ uống đóng hộp: Xác định hàm lượng Clorua	TN4/HD/N1-110 (TCVN 3701: 1990)
32	Sản phẩm hóa phẩm (túi nylon, hạt nhựa...): xác định hàm lượng CaCO3 (tính theo ion Canxi)	TN4/HD/N1-112 (ĐĐVN III - 2002)
33	Thực phẩm: Phản ứng Kreiss	TN4/HD/N1-113 (Pearson's chemical Analysis of food)
34	Phụ gia thực phẩm: Xác định hàm lượng oxalic (chất chính)	TN4/HD/N1-114 (Jecfa monograph 1 vol 4)
35	Phụ gia thực phẩm: Xác định hàm lượng Magie	TN4/HD/N1-115 (TCVN 3973: 84)
36	+Hóa chất dùng trong thực phẩm: Xác định hàm lượng NaOH	TN4/HD/N1-116 (TCVN 6636-1: 2000)
37	Hóa chất dùng trong thực phẩm: Xác định hàm lượng HCl	TN4/HD/N1-117 (TCVN 3702: 2009)
38	Xác định kim loại nặng trong mẫu nước bằng ICP MS	EPA 200.8
39	Xác định kim loại nặng trong thực phẩm và hóa chất bằng ICP MS	AOAC 2015.01
40	Hàm lượng kim loại, oxit kim loại trong Than, nhiên liệu sinh khối và hóa chất	TCVN 7131:2002
41	Điện trở phân cực RP	IEC 62561-7:2018
42	Hàm lượng Oxy, Nito trong than và nhiên liệu sinh khối	TCVN 3172 : 2008
43	Thử nghiệm van an toàn online	TN7/QT/039
44	Thử nghiệm hiệu quả sử dụng nước vòi sen tắm, vòi rửa bát, vòi rửa mặt	TCVN 12500:2018
45	Thử nghiệm hiệu quả sử dụng nước bồn cầu	TCVN 12501:2018
46	Thử nghiệm hiệu quả sử dụng nước máy giặt	TCVN 11920:2017
47	Phát hiện và định lượng Bacillus spp. trong các loại phân bón và	TN8/HD/P/44.6



	chế phẩm sinh học	
48	Phát hiện và định lượng Pseudomonas spp. trong các loại phân bón và chế phẩm sinh học	TN8/HD/P/44.5
49	Xác định hoạt tính kháng khuẩn của các sản phẩm dệt may	ISO20743:2013
50	Phát hiện và định lượng Bacillus amyloliquefaciens trong các loại phân bón và chế phẩm sinh học	TN8/HD/P/70.14
51	Phát hiện và định lượng Bacillus pumilus trong các loại phân bón và chế phẩm sinh học	TN8/HD/P/70.12
52	Phát hiện và định lượng S.aureus trong nước trong các loại nước	TN8/HD/P/25.4
53	Phát hiện và định lượng Coliforms, Fecalcoliforms, E.coli bằng cách sử dụng cơ chất đặc hiệu và thiết bị của hãng INDEXX trong các loại nước	TN8/HD/P/89
54	Phát hiện và định lượng Pseudomonas aeruginosa bằng cách sử dụng cơ chất đặc hiệu và thiết bị của hãng INDEXX trong các loại nước	TN8/HD/P/90
55	Phát hiện Enterococci bằng cách sử dụng cơ chất đặc hiệu và thiết bị của hãng INDEXX trong các loại nước	TN8/HD/P/91
56	Phát hiện và định lượng Legionella pneumophila bằng cách sử dụng cơ chất đặc hiệu và thiết bị của hãng INDEXX trong các loại nước	TN8/HD/P/92
57	Phát hiện vi khuẩn lam bằng kỹ thuật soi kính hiển vi trong các loại nước	TN8/HD/P/25.1

Ghi chú:

- *TNx/HD/P/yy.z* là quy trình thử nghiệm do Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 xây dựng và công bố áp dụng.

- *DDVN xx : 2017* là Dược điển Việt Nam tập tương ứng, Bộ Y tế ban hành năm 2017.